

ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ, VĂN HÓA, XÃ HỘI CỦA CÁC TỘC NGƯỜI THiểu SỐ: DI SẢN VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY¹

NGÔ VĂN LỆ

Tóm tắt: Phát triển và phát triển bền vững của các tộc người, nhất là các tộc người thiểu số dễ bị tổn thương của các dự án phát triển đang trở thành một đề tài tranh luận và nghiên cứu mỗi khi nói đến sự công bằng và bình đẳng trong các quốc gia đa tộc người. Trong một quốc gia đa tộc người có trình độ phát triển thấp như Việt Nam thì ngay tộc người đa số như người Việt cũng gặp rất nhiều khó khăn trên con đường phát triển, còn đối với các tộc người thiểu số thì khó khăn sẽ gấp bội. Những tác động và ảnh hưởng của đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của xã hội truyền thống chi phối đến sự phát triển của các tộc người thiểu số trong bối cảnh hiện nay. Bài viết này trình bày những đặc điểm lịch sử, văn hóa, xã hội tác động đến sự phát triển và phát triển bền vững của các tộc người thiểu số nói chung và ở Tây Nguyên nói riêng.

Từ khóa: Định chế phi chính thức, phát triển bền vững, tộc người thiểu số, hội nhập.

Việt Nam là một quốc gia đa tộc người. Theo Danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam được công bố vào tháng 3 năm 1979, trên lãnh thổ Việt Nam có 54 dân tộc (tộc người). Do tính chất và tầm quan trọng của vấn đề tộc người thiểu số ở Việt Nam nên đã có nhiều công trình nghiên cứu được công bố trong những năm qua (Viện Dân tộc học, 1978; 1984). Các công trình nghiên cứu đã đề cập đến tất cả những khía cạnh có liên quan đến các tộc người thiểu số đang sinh sống trên lãnh thổ nước ta từ lịch sử tộc người, đặc trưng văn hóa, phong tục tập

quán đến những đóng góp của các tộc người vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam cũng như xu hướng phát triển của các tộc người thiểu số trong điều kiện cụ thể hiện nay. Đồng thời, các công trình nghiên cứu đó cũng chỉ ra những khó khăn và hạn chế cần được khắc phục để các tộc người thiểu số có thể xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc trong cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam. Vấn đề phát triển và phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là một trong những vấn đề nóng bỏng mà các nhà hoạch định chính sách, các nhà khoa học đang tìm lời giải. Các nước, nhất là những nước đang phát triển có xuất phát điểm thấp như Việt

¹ Bài viết có sử dụng những nội dung của các báo cáo do chúng tôi thực hiện trong những năm gần đây.

Nam, tuy có nhiều kinh nghiệm của các nước đi trước nhưng không phải mô hình phát triển nào cũng có thể vận dụng được trong bối cảnh Việt Nam. Trên bình diện cả nước, vấn đề phát triển và phát triển bền vững như là những thách thức mà dân tộc Việt Nam đang nỗ lực để có thể vượt qua. Câu hỏi đặt ra là các tộc người thiểu số, ngoài những đặc điểm chung của một nước đang phát triển như Việt Nam, liệu còn có vấn đề gì mang tính đặc thù cần được quan tâm nghiên cứu, để các tộc người thiểu số có thể phát triển và phát triển bền vững trong điều kiện cụ thể của Việt Nam? Bài viết của chúng tôi dựa trên những tài liệu điền dã của các đề tài nghiên cứu khoa học được thực hiện tại một số địa bàn ở Tây Nguyên và trình bày một số đặc điểm lịch sử của các tộc người thiểu số cũng như di sản và hạn chế của chúng đối với sự phát triển và phát triển bền vững của các tộc người thiểu số trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập hiện nay.

2. Như chúng ta đã biết, các tộc người thiểu số sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, bên cạnh những nét chung của các tộc người trong các quốc gia đang phát triển, còn có những đặc điểm lịch sử, xã hội cần được lưu ý một cách đúng mức trong quá trình xây dựng và hoạch định các chính sách. Thực tế lịch sử cho thấy, trong quá trình tiến hóa của nhân loại ở một khu vực, một đất nước, một cộng đồng người nhất định, không chỉ tuân thủ quy luật tiến hóa phổ quát của loài người là chuyển biến theo một con đường duy nhất (tức từ xã hội nguyên thủy chuyển qua chiếm hữu nô lệ, đến phong kiến, tiến lên tư bản và cuối cùng là xã hội xã hội chủ nghĩa - cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội), mà còn chịu sự chi phối của quy luật phát triển

không đồng đều giữa các khu vực, các cộng đồng cư dân khác nhau. Trong tiến trình phát triển đó, nếu quy luật tiến hóa theo một con đường nhất định có tác động chi phối lịch đại (theo thời gian) thì quy luật phát triển không đồng đều lại có tác động chi phối đồng đại (theo không gian). Tác động theo thời gian là tác động nội sinh, thực chất là quá trình tiến hóa tộc người trong những quá trình tộc người. Tác động này tuy làm thay đổi những thành tố văn hóa của một tộc người, một cộng đồng cư dân, một đất nước, nhưng những thay đổi đó không phá vỡ cơ cấu tộc người xã hội, nó thể hiện tính không đứt gãy của văn hóa. Trái lại, sự tác động theo không gian là tác động ngoại sinh; xét dưới góc độ của những quá trình tộc người, đây là quá trình tộc người biến thể. Quá trình này, với các cách thức và cường độ khác nhau, đã làm thay đổi những đặc trưng văn hóa, thậm chí trong nhiều trường hợp, còn làm thay đổi cả khuynh hướng phát triển của một tộc người, một cộng đồng dân cư (trường hợp người Thái, từ một cộng đồng thống nhất, bị đẩy ra khỏi lãnh thổ, chia thành các nhóm khác nhau và phát triển cũng rất khác nhau là một thí dụ). Mặt khác, tiến trình của lịch sử nhân loại đã cho chúng ta thấy, loài người tiến lên không chỉ với những đột biến do sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và sức sản xuất mang tính lượng biến thành chất, mà còn phát triển tương hỗ trên một không gian xã hội ngày càng mở rộng. Quá trình này thực chất là quá trình giao lưu, tiếp xúc giữa các nền văn hóa, giữa các tộc người trên một không gian sinh tồn nhất định, mà hệ quả của nó là sự tiếp nhận và trao đổi văn hóa giữa các tộc người nhiều hơn sự sáng tạo của

chính tộc người đó. Ở đây lại diễn ra sự không ăn khớp giữa quy luật tiến hóa phổ quát của nhân loại với quy luật tiến hóa cụ thể của từng tộc người, từng cộng đồng dân cư. Sự không ăn khớp trong tiến trình phát triển của từng tộc người, từng quốc gia, cụ thể là do tác động đồng đại (tác động ngoại sinh), tức tác động qua lại giữa các vùng, các cộng đồng người phát triển và chậm phát triển. Những tác động ngoại sinh xảy ra mạnh mẽ, khi tôn giáo thế giới ra đời và hoạt động thương mại ngày càng phát triển. Bằng các hoạt động truyền giáo, các tôn giáo thâm nhập vào đời sống dân cư, làm cho bức tranh văn hóa tộc người ngày càng đa dạng hơn. Do cơ chế mở rộng lãnh thổ của các tôn giáo khác với cơ chế mở rộng lãnh thổ tộc người nên dẫn đến một thực tế là một tộc người theo các tôn giáo khác nhau. Mặt khác, một tôn giáo lại có nhiều tộc người tin theo. Chủ nghĩa tư bản phát triển, mở rộng thị trường làm cho quá trình giao lưu giữa các cộng đồng người ngày một gia tăng trên một không gian rộng mở hơn. Ở giai đoạn sau của lịch sử, khi chủ nghĩa tư bản phát triển thành chủ nghĩa đế quốc, những cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa, những vụ tàn sát thổ dân, những việc buôn bán nô lệ diễn ra ở nhiều nơi, dẫn đến một thực tế là, trên một vùng lãnh thổ có sự hiện diện của các thành tố văn hóa khác nhau (thí dụ ở Bắc Mỹ, Australia...). Sở dĩ có tình hình này là vì trên một vùng lãnh thổ, có nhiều thành viên của các tộc người với sự khác biệt văn hóa cùng sinh sống. Tác động ngoại sinh ngày càng chiếm một vị trí quan trọng, khiến các xã hội không nằm trong những trung tâm văn minh phải chấp nhận các bước thăng trầm hoặc phải suy thoái (nhiều nền văn

minh ở châu Mỹ, Australia, châu Phi bị mất đi là những thí dụ) hoặc phải rút ngắn thời gian vận hành đi lên bằng những con đường khác nhau (con đường đặc thù). Ở đây cũng diễn ra những bước đi khác nhau, tùy thuộc vào năng lực và sự lựa chọn của chính tộc người đó, mà lực lượng nòng cốt là lực lượng trí thức tộc người (trí thức dân tộc). Có những tộc người có những bước đi nhảy vọt (trường hợp Nhật Bản là một thí dụ), nhưng phần lớn đi theo các bước đi có tính đặc thù (như trường hợp những nước thuộc địa sau khi giành độc lập). Sự phát triển của lịch sử đương đại cho thấy, hầu như không có nơi nào đi đúng con đường phổ quát của toàn nhân loại.

Trong bối cảnh hiện nay, khi quá trình toàn cầu hóa như là một tất yếu của lịch sử nhân loại tác động sâu sắc đến tất cả mọi tộc người trên thế giới, các tộc người muốn phát triển không tụt hậu, phải hội nhập vào dòng chảy đó. Nhưng hiện nay, trên bình diện thế giới cũng như ở từng quốc gia, do rất nhiều nguyên nhân khác nhau, có sự phát triển không đồng đều giữa các tộc người trong một quốc gia, giữa các quốc gia trong một khu vực, giữa các quốc gia trên thế giới như là một đặc điểm nổi trội. Sự phát triển không đồng đều này được thể hiện rất đa dạng từ độ lớn về lãnh thổ, số lượng dân cư, đến trình độ phát triển kinh tế, xã hội. Càng về quá khứ của lịch sử nhân loại, như ở thời kỳ nguyên thủy - giai đoạn mà hầu hết các tộc người từng trải qua, khi không gian sinh tồn của một cộng đồng còn giới hạn (vì số lượng dân cư ít và nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào có thể đảm bảo nuôi sống cộng đồng), tác động qua lại giữa các cộng đồng người còn hạn hẹp thì xã hội của những cư

dân đã trải qua chặng đường lịch sử với các bước đi tương đối giống nhau (có thể quan sát tình hình phát triển kinh tế, xã hội, những đặc trưng văn hóa Tây Nguyên ở đầu thế kỷ XX). Các tác động ngoại sinh ở giai đoạn lịch sử này không lớn, chủ yếu là do những tác động của điều kiện tự nhiên, nơi các cộng đồng cư dân sinh sống. Những cộng đồng cư dân sinh sống trong các điều kiện tự nhiên như nhau, trình độ phát triển xã hội tương đồng, hoạt động kinh tế chính như nhau sẽ hình thành những đặc trưng văn hóa giống nhau (sự giống nhau về văn hóa ở khu vực Đông Nam Á là một thí dụ).

Lịch sử phát triển của một tộc người thể hiện tính liên tục, không đứt gãy về phương diện văn hóa. Ở một thời điểm lịch sử nhất định trong đời sống hàng ngày của từng quốc gia - dân tộc (Nation-État) hay tộc người (Ethnie) cùng một lúc hiện diện nhiều hiện tượng văn hóa của các dân tộc khác, của các tộc người khác do giao lưu, tiếp xúc văn hóa. Những yếu tố văn hóa của một dân tộc (Nation-État) hay của một tộc người (Ethnie) phải là những yếu tố văn hóa do bản thân cộng đồng đó sáng tạo hay được tiếp thu một cách có chọn lọc và nhuần nhuyễn từ dân tộc hay tộc người khác, làm biến đổi phù hợp với tâm lý dân tộc hay tộc người, tức được tiếp biến văn hóa (Ngô Văn Lê, 2004). Những trường hợp như vậy là sự tiếp thu cái mới nhưng đã được đổi mới trên cơ sở một cái cũ cũng có thể là truyền thống được đổi mới cho thích hợp với hoàn cảnh mới (thí dụ tư tưởng trung quân, ái quốc trước đây, thì bây giờ là trung với nước, hiếu với dân). Những yếu tố văn hóa được coi là của một dân tộc hay một tộc người phải góp phần tạo nên bản sắc (identité) dân tộc hay

tộc người qua thử thách của thời gian trở nên một hệ thống biểu trưng cho một thể ứng xử và giao tiếp của cộng đồng. Lịch sử phát triển của nhân loại cho thấy, do rất nhiều nguyên nhân khác nhau, quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các dân tộc hay tộc người diễn ra từ rất lâu, không có dân tộc nào hay tộc người nào lại sống biệt lập với cộng đồng cư dân khác (Ngô Văn Lê, 2004). Điều này cũng có nghĩa là không có dân tộc hay tộc người nào trong tiến trình phát triển của mình lại không xảy ra quá trình giao lưu văn hóa. Hay nói cách khác, văn hóa của bất kỳ một tộc người nào hiện nay cũng là sự tổng hòa của nhiều giá trị văn hóa khác nhau. Sự tiếp thu các yếu tố văn hóa từ bên ngoài phải coi là tất yếu lịch sử, cần thiết cho sự phát triển của một dân tộc, một tộc người bởi vì, cái tiếp nhận từ bên ngoài nhiều hơn cái sáng tạo của chính dân tộc hay tộc người đó trong lịch sử (thí dụ trong ngôn ngữ thì vốn từ vựng của tiếng Việt có tới 70% là từ gốc Hán, tiếng Hàn khoảng trên 50%; trong tôn giáo cũng có tình hình tương tự, nhiều tộc người tiếp nhận tôn giáo của tộc người khác...) là một hiện tượng văn hóa xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới. Như là một quy luật tất yếu, khi hiện tượng văn hóa của một dân tộc hay tộc người một khi đã tương đối ổn định lại mang ngay mầm mống của sự thay đổi, phải tuân thủ quy luật truyền thống và cách tân trong phát triển văn hóa của một dân tộc hay tộc người. Quá trình thay đổi đó diễn ra rất phức tạp, có sự giằng co, mâu thuẫn giữa cái mới và cái cũ - động lực của mọi sự vận động của cộng đồng dân tộc, tộc người.

3. Qua những điều vừa trình bày ở trên, chúng tôi xem xét những đặc điểm lịch sử,

văn hóa và xã hội có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển và phát triển bền vững của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên - nơi xét về tổ chức hành chính, có 5 tỉnh và có nhiều thành phần tộc người sinh sống (bao gồm các tộc người tại chỗ và các tộc người thiểu số di cư từ các vùng khác đến). Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về Tây Nguyên cũng như đã có nhiều công trình nghiên cứu về các tộc người sinh sống ở Tây nguyên (Viện Dân tộc học, 1978, 1984; Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên), 1989; Nguyễn Tuấn Triết, 2007...). Các công trình nghiên cứu về Tây Nguyên được xuất bản vào những thời điểm khác nhau nhưng đã phác họa bức tranh toàn cảnh về vùng đất và con người nơi đây. Xét trên nhiều phương diện về địa - chính trị, địa - quân sự, địa - kinh tế... Tây Nguyên có vị trí đặc biệt quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Đây cũng là địa bàn có nhiều thành phần tộc người sinh sống nhưng ở một trình độ phát triển kinh tế, xã hội thấp so với các vùng khác của Việt Nam. Đặc biệt, từ sau năm 1975, quá trình di dân có tổ chức và di dân tự do từ nhiều địa phương đến vùng Tây Nguyên diễn ra liên tục, dẫn đến tình hình tăng dân cư đột biến (chủ yếu do tăng cơ học). Bên cạnh đó, sự du nhập của Tin Lành và các hiện tượng “tôn giáo mới” đã làm nảy sinh những vấn đề phức tạp trong quan hệ tộc người cũng như các xung đột kinh tế, văn hóa. Trong bối cảnh đó, những đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội truyền thống của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của các tộc người cư trú ở đây?. Dưới đây là một số đặc điểm văn hóa, xã hội tác động sâu rộng nhất đến sự phát triển của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên.

Thứ nhất, nông nghiệp nương rẫy là hoạt động kinh tế chính của các tộc người sinh sống ở Tây Nguyên. Đời sống kinh tế của các tộc người lâu nay chủ yếu dựa vào thu nhập từ trồng lúa và hoa màu nhưng công cụ lao động thô sơ với phương thức chọc lỗ, tra hạt hoàn toàn phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nên năng suất không cao. Các tộc người ở Tây Nguyên chưa sử dụng sức kéo trong nông nghiệp, chưa biết thâm canh mà chủ yếu chỉ khai thác các nguồn lợi tự nhiên (kinh tế tước đoạt), nên đòi hỏi một diện tích canh tác lớn (do phương thức luân canh, hưu canh). Tuy nhiên, trải qua hàng trăm năm khai thác vùng Tây Nguyên, các tộc người thiểu số đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm đối với việc chọn đất rừng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp nương rẫy. Các tộc người cũng đã ứng xử và thích nghi với điều kiện đất đai, thiên nhiên và môi trường sinh thái để phát triển sản xuất nông nghiệp nương rẫy (Ngô Văn Lê và cộng sự, 2014). Chăn nuôi nhìn chung không phát triển. Đây cũng là tình hình chung của các tộc người sinh sống ở Đông Nam Á, nơi không có những điều kiện thuận lợi để chăn nuôi trở thành một hoạt động kinh tế đóng vai trò quan trọng trong đời sống cư dân. Tuy chăn nuôi đã có bước phát triển nhưng những gia súc lớn như trâu lại chủ yếu được dùng vào các hoạt động tâm linh (phục vụ lễ hội đâm trâu). Các loại gia cầm chủ yếu chỉ đáp ứng những nhu cầu của đời sống. Săn bắn, hái lượm có vai trò quan trọng đối với đời sống của các tộc người ở Tây Nguyên. Cộng đồng cư dân Tây Nguyên từ ngàn đời nay đã gắn bó với đất rừng. Bên cạnh sản xuất nông nghiệp, nghề thủ công ở các tộc người thiểu số Tây Nguyên cũng khá phát triển. Những

sản phẩm làm ra chủ yếu đáp ứng cho đời sống cộng đồng, không mang nhiều ý nghĩa kinh tế. Trao đổi, buôn bán không phát triển bởi các sản phẩm làm ra mới chỉ đáp ứng nhu cầu của cộng đồng. Phân công lao động vẫn theo tập quán truyền thống. Theo đó, nam giới đảm đương những công việc có phần nặng nhọc như làm đất, gieo sạ, bón phân, vận chuyển còn nữ giới thì làm những công việc nhẹ như cấy, nhổ cỏ, cắt lúa.

Thứ hai, tổ chức xã hội truyền thống là *bon* (tương đương với làng của người Việt). Quy mô của các *bon* khác nhau, nhưng về cơ bản, đây là tổ chức xã hội duy nhất (thường gặp ở các xã hội chậm phát triển). Các đơn vị hành chính lớn hơn xuất hiện ở giai đoạn sau này, khi vùng Tây Nguyên sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam. Mỗi *bon*, bao gồm những gia đình thân thuộc sinh sống trong các ngôi nhà dài, có mối quan hệ huyết thống theo mẫu hệ, hay phụ hệ (tùy thuộc vào truyền thống văn hóa của mỗi tộc người). *Bon* được xây dựng ở những nơi thoáng rộng, gần nguồn nước. Mỗi *bon* có phạm vi rừng và địa vực cư trú riêng. Ranh giới giữa các *bon* thường là các ranh giới tự nhiên như một dòng suối, một gốc cây to hay một mỏm đá... nhưng giới hạn đó được các thành viên trong *bon* cũng như các *bon* khác thừa nhận và tôn trọng. Trong phạm vi đất rừng của *bon*, mỗi thành viên trong *bon* có quyền khai thác các sản vật cũng như săn bắn, hái lượm nhưng không được vi phạm đến lãnh thổ của các *bon* khác và đương nhiên cũng không được mua, bán, sang nhượng. Xã hội được điều hành bởi luật tục (tập quán pháp), được xây dựng trên cơ sở đồng thuận của các thành viên trong cộng đồng. Ở hầu hết các tộc người thiểu số Tây

Nguyên, người phụ nữ có vai trò rất quan trọng không chỉ trong đời sống của từng gia đình mà cả ở ngoài xã hội. Do tổ chức xã hội được giới hạn bởi một không gian sinh tồn nhất định có mối quan hệ thân thuộc, tạo nên sự gắn kết cộng đồng bền chặt. Họ sẵn sàng hy sinh vì cộng đồng (trường hợp hiến sinh), nhưng rất sợ hãi khi bị cộng đồng ruồng bỏ. Mỗi thành viên luôn gắn bó với cộng đồng, không muốn rời xa cộng đồng. Tính cố kết cộng đồng là một yếu tố quan trọng trong việc duy trì những bản sắc riêng của mỗi tộc người ở Tây Nguyên nhưng cũng chính yếu tố này đã làm cho xã hội của các tộc người ở Tây Nguyên chậm phát triển, ít biến đổi trong một quá trình lịch sử lâu dài. Trong điều kiện cụ thể của Tây Nguyên, khi dân số ít, lại phân tán, sống biệt lập, mỗi *bon* là một ốc đảo, thiên nhiên lại ưu đãi, nhu cầu của đời sống không vượt quá khả năng cung cấp của tài nguyên rừng nên không có nhu cầu mở rộng giao lưu, tiếp xúc với bên ngoài, do đó đã hạn chế sự sáng tạo của cả cộng đồng. Do không giao lưu, tiếp xúc với bên ngoài nên ít chịu tác động của các yếu tố ngoại sinh, làm ngưng đọng sự phát triển xã hội.

Thứ ba, xét về khía cạnh văn hóa, các định chế phi chính thức vẫn còn ảnh hưởng nhất định đến mọi mặt đời sống của các tộc người. Các tộc người thiểu số ở Việt Nam phần lớn chưa có Nhà nước. Để ổn định và phát triển, mỗi tộc người đều hình thành những định chế (thiết chế, thể chế) cho riêng mình, được thể hiện trong luật tục. Là một bộ luật được xây dựng trên tinh thần dân chủ, gắn kết với cộng đồng, luật tục là định chế chính thức điều chỉnh các hành vi của các thành viên trong mối liên hệ với cộng đồng, với điều kiện tự nhiên, nơi các tộc

người sinh sống. Luật tục không chỉ góp phần tạo nên sự ổn định và phát triển của một tộc người, mà còn góp phần làm nên tính đa dạng văn hóa tộc người. Khi Tây Nguyên sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam cũng là lúc các định chế của Nhà nước được vận hành, những định chế trong xã hội truyền thống trở thành các định chế phi chính thức. Những định chế đó đã góp phần tạo nên sự ổn định và phát triển trong đời sống của cộng đồng nhưng giờ đây, nó không có điều kiện để vận hành trong bối cảnh các định chế nhà nước đã xác lập được vị thế của mình. Tuy không còn giữ vai trò của mình như trong xã hội truyền thống nhưng các định chế phi chính thức vẫn còn “ẩn tàng” trong đời sống của cộng đồng. Trong xã hội đương đại, khi các cộng đồng dân cư trong cả nước đang “sống và làm việc theo pháp luật”, những định chế phi chính thức vẫn còn ảnh hưởng đến các khía cạnh khác nhau của đời sống (như trong hôn nhân, gia đình, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ môi trường...).

4. Như vậy, hoạt động kinh tế của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên thể hiện tính khép kín, tự cung, tự cấp, phục vụ cho nhu cầu cộng đồng và làm cho kinh tế hàng hóa kém phát triển. Hoạt động kinh tế của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu hàng ngày sản xuất nhỏ, ít có khả năng tích lũy. Trước đây, khi sản xuất chỉ hướng tới phục vụ gia đình và cộng đồng trong điều kiện thiên nhiên còn nhiều ưu đãi, nhu cầu của cuộc sống không nhiều và số lượng dân cư ít thì hoạt động kinh tế đó đã đáp ứng được nhu cầu của đời sống. Ngày nay, khi nền kinh tế thị trường tác động sâu sắc đến đời sống kinh tế - xã

hội thì đặc điểm nói trên lại là những hạn chế. Kinh tế thị trường đòi hỏi phải cạnh tranh nhưng trong hoạt động kinh tế của mình, các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên đều không có thói quen làm ăn lớn, do đó, đã mất đi lợi thế cạnh tranh. Mặt khác, trong bối cảnh kinh tế thị trường, muốn cạnh tranh được, đòi hỏi phải thay đổi cơ cấu kinh tế, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Do trình độ học vấn thấp và lao động chưa qua đào tạo chiếm một tỷ trọng khá cao trong dân nên không có những chuyển động tích cực. Có lẽ vì vậy mà việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên diễn ra chậm. Hộ nghèo và cận nghèo không có vốn để đầu tư cho sản xuất nên họ vẫn phải làm ruộng theo phương thức cũ, năng suất không cao. Không có đất, không có vốn, trình độ học vấn thấp, lao động chưa qua đào tạo chiếm đa số trong số những người trong độ tuổi lao động là những nguyên nhân dẫn đến hoạt động kinh tế kém hiệu quả, hệ quả là sự đói nghèo. Thậm chí, trong những năm gần đây, vẫn còn một bộ phận cư dân sống du canh, du cư, như tỉnh Bình Phước vào năm 2012, có 1.378 hộ du canh, du cư (Ngô Văn Lê, 2015). Đi tìm nguyên nhân của tình trạng này, rõ ràng cần phải trở về chiều sâu của văn hóa truyền thống. Sống trong những điều kiện mà thiên nhiên ưu đãi, đất đai nhiều và phì nhiêu, trồng cấy dễ dàng, thủy - hải sản phong phú, trên đồng ruộng, dưới sông, tất cả các sản vật dư giả, đảm bảo đời sống cho người dân đã tạo nên một tâm lý không lo xa, ít đầu tư cho phát triển, đã trở thành nếp nghĩ của người nông dân. Ở đây, nét đẹp văn hóa truyền thống phù hợp với nếp sống không cạnh tranh của nông thôn

xưa đã không còn phù hợp trong nền kinh tế thị trường. Nghề thủ công truyền thống không đủ sức cạnh tranh bởi sức sản xuất không lớn, thị trường hạn chế.

Muốn hội nhập và phát triển, trước hết phải vượt qua chính những giới hạn vừa nêu: phải tổ chức lại sản xuất, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Muốn làm được điều đó, cần nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo. Theo đó, ở hầu hết các tộc người thiểu số sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam và kể cả những tộc người ở các quốc gia khác, không thể đi theo trình tự thời gian của lịch sử (không đi theo con đường phổ quát là chuyển biến từ hình thái kinh tế thấp sang hình thái kinh tế cao hơn, mà phải đi theo con đường đặc thù). Tuy vậy, sẽ không có một con đường (mô hình) chung cho mọi tộc người mà mỗi tộc người, tùy theo tình hình cụ thể, sẽ lựa chọn cho mình một hướng đi tốt nhất, phù hợp với điều kiện lịch sử bằng các chính sách phát triển của Nhà nước và sự hỗ trợ từ bên ngoài (mà ở đây trong nội bộ một quốc gia chủ yếu là sự hỗ trợ của tộc người đa số giữ vai trò chủ đạo trong dòng chảy lịch sử và văn hóa của quốc gia và của nhà nước).

Như vậy, có thể thấy, trước khi hội nhập và phát triển vào dòng chảy chung của nhân loại, ở từng quốc gia đa tộc người đã diễn ra sự hội tụ của cộng đồng quốc gia - dân tộc. Trong xu hướng phát triển chung của các quốc gia đa tộc người hiện nay, xu hướng hình thành một cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất, đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên lợi ích cục bộ của từng tộc người đang là xu hướng chủ đạo trong tiến trình lịch sử nhân loại. Chính vì vậy, ý thức quốc gia - dân tộc đa tộc người được nâng cao bên

cạnh ý thức tự giác tộc người. Sự thống nhất đó có chặt chẽ hay không tùy thuộc vào tính ổn định của mối quan hệ tự giác của các tộc người cùng chung sống trên một lãnh thổ thống nhất, vào tính đa dạng tộc người cũng như các chính sách của Nhà nước. Trong bối cảnh đó, sự tôn trọng đối với tính thống nhất của cộng đồng chung cũng như tôn trọng tính tự khẳng định bản sắc văn hóa riêng của từng tộc người trong quốc gia là yếu tố quan trọng, bảo đảm tính thống nhất đó. Thực hiện quyền bình đẳng giữa các tộc người trong một quốc gia đa tộc người, nhất là quyền bình đẳng trong phát triển, điều kiện sống và sáng tạo những giá trị văn hóa. Khi các quốc gia giải quyết tốt các mối quan hệ tộc người trên nguyên tắc bình đẳng, tương trợ và đoàn kết, đảm bảo sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ thì sẽ tạo những điều kiện cho các tộc người thiểu số phát triển, hạn chế những mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột tộc người.

Vậy, phải làm gì để hội nhập và phát triển? Ở các tộc người thiểu số tại Tây Nguyên, với hoạt động kinh tế truyền thống đã đảm bảo được tính ổn định trong phát triển ở những điều kiện tự nhiên và lịch sử cụ thể. Chính trong môi trường tự nhiên và xã hội của Tây Nguyên, các tộc người thiểu số tại chỗ ở đây đã giữ gìn và sáng tạo những giá trị văn hóa để cùng các tộc người khác nơi đây tạo dựng nên một nền văn minh với những nét văn hóa độc đáo. Giờ đây, muốn phát triển và phát triển bền vững để hội nhập, không có cách nào khác là tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung, sản xuất hàng hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Để làm được điều đó, cần nâng cao dân trí và thay đổi tâm lý sản xuất lớn làm ra hàng

hóa để thu lợi nhuận. Chỉ có nâng cao dân trí mới làm thay đổi những tư duy kinh tế trong bối cảnh kinh tế thị trường cạnh tranh quyết liệt. Không tạo dựng được những tiền đề và cơ hội phát triển thì không thể phát triển bền vững. Đây thực sự là một công việc đầy cam go mà bản thân người Việt với tiềm lực của mình cũng không thể dễ dàng vượt qua. Còn đối với các tộc người thiểu số, trong đó, có các tộc người tại chỗ ở Tây Nguyên, để phát triển và phát triển bền vững, việc hội nhập vào dòng chảy chung của Việt Nam cũng đã thực sự là một thử thách. Giờ đây, khi non sông thu về một mối, khi cả nước cùng chung vai sát cánh xây dựng một đất nước “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh” thì đòi hỏi cả quốc gia - dân tộc phải nỗ lực vươn lên, không chỉ đối với cả hệ thống chính trị, mà cả sự nỗ lực của chính các tộc người Tây Nguyên với nòng cốt là đội ngũ trí thức của các tộc người tại chỗ. Chỉ có như vậy mới tạo nên sự đột phá để phát triển và phát triển bền vững trong bối cảnh hiện nay.

Bên cạnh đó, cần lưu ý đến ảnh hưởng của các định chế phi chính thức đối với sự phát triển và phát triển bền vững trong bối cảnh ở Tây Nguyên hiện nay. Các định chế phi chính thức hình thành trong bối cảnh các định chế chính thức chưa được xác lập. Các định chế phi chính thức như là những thành tố văn hóa, không chỉ góp phần làm nên tính đa dạng, mà còn ảnh hưởng, chi phối mọi mặt đời sống của cộng đồng. Với tư cách là các biểu hiện của những nền văn hóa truyền thống phong phú và đa dạng của các tộc người tại chỗ ở Tây Nguyên tồn tại từ bao đời nay, các định chế phi chính thức chính là những nhân tố quan trọng trong tiến trình

phát triển bền vững của các tộc người thiểu số tại chỗ nói riêng và cả Tây Nguyên nói chung, bởi “thể chế phi chính thức có vai trò to lớn, không thể thiếu trong việc bổ sung, tăng cường hiệu quả thực thi cho hệ thống thể chế chính thức, phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững Tây Nguyên” và việc “tác động điều chỉnh của hệ thống thể chế phi chính thức là một trong những luận cứ khoa học không thể thiếu trong quá trình bổ sung và đổi mới hệ thống thể chế nhằm đảm bảo phát triển bền vững vùng Tây Nguyên một cách đúng hướng và ngày càng phù hợp với thực tế của vùng, của đất nước và khu vực” (Hà Hữu Nga, 2015).

5. Chúng tôi đã trình bày, dù rất khái lược một số đặc điểm lịch sử, văn hóa, xã hội của các tộc người ở Tây Nguyên cũng như những ảnh hưởng của các đặc điểm đó đến sự phát triển và phát triển bền vững của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên. Cần nhấn mạnh rằng, các yếu tố lịch sử, văn hóa, xã hội đó đã làm nên nét văn hóa truyền thống của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên trong quá trình định cư sinh sống, chinh phục vùng đất đầy tiềm năng trong phát triển kinh tế và có vị trí địa - chính trị, quân sự trong công cuộc giải phóng dân tộc cũng như trong xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay. Do những biến động của đời sống xã hội, nhất là trong bối cảnh hiện nay, các yếu tố đó đã bộc lộ những hạn chế, bất cập cần được nhìn nhận một cách khách quan, khoa học để tìm ra các giải pháp thích hợp trong bối cảnh hiện nay. Chúng tôi cho rằng, để các tộc người thiểu số có thể phát triển và phát triển bền vững trong bối cảnh hiện nay, cần làm chuyển biến một cách sâu sắc tâm lý

tự ti. Từng cộng đồng tộc người thiểu số với sự hỗ trợ của Nhà nước (thông qua các chương trình phát triển như 134, 135...) tự vươn lên, vượt qua những giới hạn của chính mình để hội nhập vào dòng chảy phát triển và phát triển bền vững của cả quốc gia - dân tộc. Trong bối cảnh hiện nay, như là một quy luật của sự phát triển, những biến đổi về văn hóa, xã hội thường chậm hơn so với các biến đổi về kinh tế. Khoa học kỹ thuật phát triển mạnh mẽ sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai, những tiến bộ khoa học kỹ thuật ngày càng có vai trò quan trọng trong sản xuất. Việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã làm cho năng suất giống cây trồng, vật nuôi tăng nhưng chưa hẳn đã làm thay đổi văn hóa, xã hội một cách căn bản, nhất là ở những nước đang phát triển, ở các tộc người thiểu số. Cho đến nay, dù nông nghiệp vẫn giữ vai trò chính nhưng do hoạt động kinh tế của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên đã có những thay đổi nên địa bàn sinh sống chủ yếu của họ là nông thôn. Quá trình đô thị hóa ở các tỉnh Tây Nguyên diễn ra chậm, nên quá trình này ít tác động đến đời sống của cộng đồng cư dân vùng này, trong khi những yếu tố văn hóa và tổ chức xã hội truyền thống vẫn có ảnh hưởng trong đời sống cư dân. Mặt khác, trình độ dân trí nói chung và trình độ lao động qua đào tạo của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên nói riêng lại thấp so với nhu cầu phát triển chung. Chính trong bối cảnh đó, những yếu tố văn hóa, xã hội chưa kịp thay đổi (hoặc thay đổi chậm) lại là rào cản đối với sự phát triển và phát triển bền vững của các cộng đồng cư dân này. Cần phải nhìn

nhận thực tế này để tìm ra câu trả lời cho sự phát triển và phát triển bền vững của các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

Văn hóa của các tộc người thiểu số ở nước ta là sự kế thừa những giá trị truyền thống của các tộc người trong quá trình cộng cư, giao lưu và tiếp biến văn hóa trên lãnh thổ nước ta trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Những giá trị văn hóa truyền thống đó, một mặt khẳng định sự sáng tạo của các tộc người trong quá trình định cư, cùng chung sức khai phá và bảo vệ những thành quả lao động của mình, mặt khác, chính những giá trị văn hóa đó đã góp phần làm phong phú các giá trị văn hóa Việt Nam, tạo nên sức mạnh để cho dân tộc Việt Nam vượt qua những thử thách lớn lao trong đấu tranh chống kẻ thù xâm lược cũng như trong xây dựng hòa bình. Trải qua thời gian, các giá trị của văn hóa cũng có những thay đổi. Có những giá trị ở giai đoạn lịch sử trước được đề cao, thì ở giai đoạn sau có thể không còn phù hợp nữa, trở thành lực cản của sự phát triển. Ở các tộc người thiểu số Việt Nam cũng có tình hình tương tự. Để có thể phát triển, đòi hỏi phải hội nhập. Muốn hội nhập, cần nâng cao năng lực của cả cộng đồng, nhất là nguồn nhân lực có đào tạo của chính tộc người đó (thực chất, đây là đội ngũ trí thức của chính tộc người đó - những người sẽ đi đầu trong tiến trình phát triển). Trong tình hình đó, những di sản và hạn chế của lịch sử, văn hóa, xã hội, trong tiến trình phát triển của một tộc người cần được nhận thức một cách khoa học mới có thể tìm ra các giải pháp khắc phục. Phát triển và phát triển bền vững đang là mục tiêu hướng tới của bất kỳ quốc

gia nào. Một nền kinh tế phát triển bền vững phải dựa trên cơ sở hài hòa giữa ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường.

Tài liệu tham khảo

1. Ngô Văn Lệ (2004), *Tộc người và văn hóa tộc người*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngô Văn Lệ (2015), “Về giải pháp góp phần xóa đói giảm nghèo ở Đắk Nông (Trường hợp các tộc người tại chỗ)”, trong: *Kỷ yếu Công tác giảm nghèo bền vững trong đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Đắk Nông - Thực trạng và giải pháp*, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông.

3. Ngô Văn Lệ và cộng sự (2014), *Tri thức bản địa của các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ trong tiến trình phát triển xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

4. Hà Hữu Nga (2015), “Mối tương tác giữa các thể chế chính thức và phi chính thức ở Tây Nguyên”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ An*, ngày 3/4/2015.

5. Ngô Đức Thịnh (2003), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.

6. Nguyễn Tuấn Triết (2007), *Tây Nguyên những chặng đường lịch sử - văn hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1989), *Tây Nguyên trên đường phát triển*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

8. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

9. Viện Dân tộc học (1984), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.



Khu chăn thả của người Mnông ở huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

Ảnh: Hồng Tám, chụp năm 2014